

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 06 - 01 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Tốt;

Ông Hà Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Thu là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-KDTM ngày 23 tháng 11 năm 2020 về: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 474/2021/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 540/2021/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 24/TB-TA ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Siêu thị vật liệu xây dựng T; Trụ sở: phường A, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: 1/ Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1981; 2/ Bà Phan Thị Ánh D, sinh năm 1997; Cùng địa chỉ liên lạc: phường A, TP. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng N; Trụ sở: 28/37 đường ĐHT03, Khu phố 1, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Biên - Chức danh: Giám đốc; Địa chỉ: Lô G10, số 23 đường DCT9, Khu phố 4, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc H và bà Phan Thị Ánh D vắng mặt có đơn xin vắng mặt, bị đơn là Công ty TNHH Xây dựng N do ông Lê Biên là đại diện theo pháp luật được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Công ty cổ phần Siêu thị vật liệu xây dựng T và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/7/2019, Công ty cổ phần Siêu thị vật liệu xây dựng T (Công ty T) là bên bán và Công ty TNHH Xây dựng N (Công ty N) là bên mua có ký kết hợp đồng kinh tế số 599/2019/HĐKT/TGN về việc Công ty T cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty N để thi công công trình Khu biệt thự Văn Hoa tại số 64 Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T đã cung cấp bê tông thương phẩm theo đúng hợp đồng và đã xuất hóa đơn GTGT số 0004181 ngày 27/7/2019 cho Công ty N để làm cơ sở thanh toán với tổng số tiền bê tông thương phẩm đã cấp theo đơn giá trong hợp đồng là: 384.260.000 đồng. Tính đến ngày 10/3/2021, Công ty N đã thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 362.130.000 đồng. Số tiền chưa thanh toán là 22.130.000 đồng.

Sau nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán không thành, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty N thanh toán số tiền còn nợ là 22.130.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 01%/tháng tạm tính từ ngày 07/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2022 là: 22.130.000 đồng x 28 tháng 27 ngày x 01%/tháng = 6.395.570 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là: 28.525.570 đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra Công ty N còn phải tiếp tục trả lãi chậm trả từ sau ngày 06/01/2022 đến khi thanh toán xong nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH Xây dựng N và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc H và bà Phan Thị Ánh D vắng mặt có đơn xin vắng mặt, đã có bản tự khai phù hợp với đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện Công ty cổ phần Siêu thị vật liệu xây dựng T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty TNHH Xây dựng N (gọi tắt là Công ty N) phát sinh tranh chấp liên quan đến hợp đồng cung cấp bê tông trộn sẵn. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty T có đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: 28/37 Đường ĐHT, Khu phố 1, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty T do bà Huỳnh Thị Ngọc H và bà Phan Thị Ánh D là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Công ty N và người đại diện theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 22.130.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định, giữa Công ty T và Công ty N có ký kết hợp đồng kinh tế số 599/2019/HĐKT/TGN về việc Công ty T cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty N để thi công công trình. Tổng giá trị hàng hóa đã giao là 384.260.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0004181 ngày 27/7/2019 mà Công ty T đã xuất cho Công ty N để làm cơ sở thanh toán. Theo biên bản xác nhận công nợ mà đại diện hai bên xác nhận từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/10/2019 thì Công ty N còn nợ 32.130.000 đồng. Theo Bảng kê công nợ chi tiết phải thu của Công ty T lập thì ngày 10/3/2020, Công ty N đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 22.130.000 đồng cho đến nay. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về thời điểm bắt đầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 07/8/2019 đến ngày 06/01/2022 là 28 tháng 27 ngày. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng kinh tế số 599/2019/HĐKT/TGN thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cung cấp bê tông. Vì vậy, sau khi cung cấp bê tông, đến ngày 27/7/2019, nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0004181, thời hạn 10 ngày được tính từ ngày xuất hóa đơn là có lợi cho bị đơn. Ngoài ra, số tiền nợ theo biên bản xác nhận công nợ đến ngày 31/10/2019 là 32.130.000 đồng, ngày 10/3/2020 bị đơn trả tiếp được 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 22.130.000 đồng

nhưng nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ 22.130.000 đồng kể từ ngày 07/8/2019 là có lợi cho bị đơn nên các yêu cầu trên cần được chấp nhận.

[6] Về số tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi là: 22.130.000 đồng x 01%/tháng x 28 tháng 27 ngày = 6.395.570 đồng. Theo thỏa thuận tại Điều 8 của hợp đồng nêu trên thì lãi suất quá hạn sẽ được tính theo lãi suất ngân hàng tính tại thời điểm hiện tại. Điều 306 Luật thương mại năm 2005 sửa đổi năm 2019 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng...thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Do đó trong trường hợp này, Công ty N chậm thanh toán tiền mua hàng nên phải chịu trách nhiệm trả lãi chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán cho Công ty T.

[7] Về mức lãi suất: Căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, Tòa án xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo các văn bản cung cấp của 03 (ba) ngân hàng như sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam là 13,50%/năm, Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam là 13,20%/năm (8,8%/năm x 150%), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là 14,25%/năm (9,5%/năm x 150%). Do đó, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 13,65%/năm, tương đương 1,14%/tháng. Việc nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất nợ quá hạn 01%/tháng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[9] Về yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong công nợ. Xét thấy việc trả lãi chậm thanh toán được các bên thỏa thuận tại hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Từ những nhận định, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[12] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227;

khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 11 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Siêu thị vật liệu xây dựng T:

1.1. Buộc Công ty TNHH Xây dựng N thanh toán cho Công ty cổ phần Siêu thị vật liệu xây dựng T số tiền còn nợ tính đến ngày 06/01/2022 phát sinh từ hợp đồng kinh tế số 599/2019/HĐKT/TGN ngày 16/7/2019 là 28.525.570 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn, năm trăm bảy mươi đồng). Trong đó: nợ gốc là 22.130.000 đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng), lãi chậm thanh toán là 6.395.570 đồng (Sáu triệu, ba trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm bảy mươi đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Xây dựng N phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 sửa đổi năm 2019;

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) do Công ty TNHH Xây dựng N chịu;

2.2. Trả lại cho Công ty cổ phần Siêu thị vật liệu xây dựng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo Biên lai thu số 0105575 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp